

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

UBND XÃ CHUYÊN MỸ
TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-THCS

Chuyên Mỹ, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN- Dịp đầu năm Năm học 2025 - 2026

THÔNG TIN CHUNG²

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

⁽² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.)

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

⁽² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.)

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường trung học cơ sở Phú Yên.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Chuyên Mỹ

2. Địa chỉ trụ sở chính

Trường THCS Phú Yên nằm trên địa bàn thôn Giẽ Hạ, xã chuyên Mỹ, thành phố Hà Nội. Tiền thân là trường cấp II sư phạm (gồm cấp I, II) được thành lập năm 1969. Năm 1992 đến nay trường mang tên trường THCS Phú Yên.

+ Điện thoại: 0375. 545. 806

+ Địa chỉ thư điện tử: [http: c2phuyen-@hanoiedu.vn](mailto:c2phuyen-@hanoiedu.vn)

+ Cổng thông tin điện tử: <http://thcsphuyen.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu;

+ Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

+ Tổ chức quản lý trực tiếp: UBND xã Chuyên Mỹ

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, chăm sóc để phát huy phẩm chất, năng lực riêng.

Chấp cánh cho ước mơ vươn cao của các thế hệ học trò, phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Là nơi gieo những hạt giống tri thức để cho thế hệ trẻ phát triển thành những con ngoan - trò giỏi, thành những bậc tài danh, thành những chủ nhân tương lai của đất nước.

4.2. Tầm nhìn

Trường THCS Phú Yên là một trường chuẩn mực và năng động, lành mạnh, nơi học sinh, cán bộ, giáo viên, công nhân viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao giá trị bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

Là một trong những trường có bề dày truyền thống về chất lượng giáo dục ổn định, đạt chuẩn xanh-sạch-đẹp-an toàn. Nhà trường là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới trở thành một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục cao trong huyện. Đây là cơ sở thuận lợi để nhà trường có định hướng trong việc xây dựng nhà trường thành đơn vị giáo dục xuất sắc.

Trong giai đoạn 2023 - 2028 duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; dần từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục để được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (mức độ 3), đến năm 2028 trở thành trường điển hình về chất lượng toàn diện của khối THCS trong xã.

4.3. Mục tiêu giáo dục: Đào tạo học sinh đạt được các tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phẩm chất theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4.4. Hệ thống giá trị cốt lõi

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| - Dân chủ và kỷ cương | - Khát vọng và cống hiến |
| - Chân thành và đoàn kết | - Ý thức và trách nhiệm |
| - Thẳng thắn và trung thực | - Đổi mới và sáng tạo |
| - Yêu thương và thân thiện | - Hợp tác và phát triển |

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường được thành lập năm 1969 khi đó tên trường được đặt là: Trường cấp II Phú Yên, ban đầu trường có 3 lớp gồm 02 lớp năm và 01 lớp 6 với khoảng trên 130 học sinh. Giáo viên giảng dạy của trường được điều động từ trường cấp II Vân Từ. Hiệu trưởng đầu tiên của trường là thầy Nguyễn Xuân Vũ.

Năm 1976 Ngành giáo dục thực hiện cải cách, khi đó trường cấp I và trường cấp II Phú Yên được sáp nhập lấy tên là trường cấp I - II xã Phú Yên, khi đó trường có 8 lớp từ khối lớp 1 đến khối lớp 8.

Đến năm 1992 trường Phổ thông cơ sở cấp I – II Phú Yên được tách ra làm 2 trường đó là:

Trường trung học cơ sở Phú Yên

Trường tiểu học Phú Yên

Từ 01/8/2008, trường thuộc thành phố Hà Nội.

Hiện nay trường đóng trên địa bàn thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên, huyện Chuyên Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- + Họ và tên, chức vụ: Trương Tú Phương – Hiệu trưởng
- + Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Giẽ Hạ, xã Chuyên Mỹ, thành phố Hà Nội.
- + Số điện thoại: 0916.235.215
- + Địa chỉ thư điện tử: Tuphuong74@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục

+ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc xã Chuyên Mỹ.

+ Quyết định số 47/QĐ-ĐU ngày 01/7/2025 về việc thành lập Chi bộ trường THCS Phú Yên thuộc xã Chuyên Mỹ

+ Chứng nhận số 011044/2025/ĐKMCD ngày 24/7/2025 của Phòng CS QLHC về TTXH về việc chứng nhận mẫu dấu trường THCS Phú Yên thuộc xã Chuyên Mỹ

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Hiệu trưởng được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Chủ tịch UBND xã Chuyên Mỹ và Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo Quyết định số: 72/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Chủ tịch UBND xã Chuyên Mỹ.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

*Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục;

Cơ cấu tổ chức trường trung học gồm: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt.

*Tổ chức và quản lý: Cơ cấu tổ chức trường trung học gồm: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt.

*Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên; Thực hiện tại Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

*Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (không có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trường THCS Phú Yên:

1. Hiệu trưởng: Trương Tú Phương

+ Điện thoại: 0916235215;

+ Địa chỉ thư điện tử: tuphuong@gmail.com

+ Nơi làm việc: Trường THCS Phú Yên, xã Chuyên Mỹ TP Hà Nội

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

+ Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục

+ Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục

+ Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục...

Được công khai trên Web của trường: <http://thcsphuyen.edu.vn>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³ (³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33	0	04	24	02	03		13	11					
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	23													
1	Toán	4		1	2				1	2					
2	Lý	1			1				1						
3	Hóa	1			1					1					
4	Văn	4			4				1	3					
5	Công nghệ	1			1				1						
6	Lịch sử	2			2				2						

[illegible]

1.4	Khối lớp..9	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	Thiếu khối 8,9	
2.1	Khối lớp.6		
2.2	Khối lớp.7		
2.3	Khối lớp..8	03 bộ	
2.4	Khối lớp..9	03 bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1000m ²	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
	42 bộ		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	01
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác.: 04 loa kéo. 02 bộ âm thanh, 01 loa cầm tay		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác.: 04 loa kéo. 02 bộ âm thanh, 01 loa cầm tay		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		07		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	3 pha	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

⁽⁵⁾ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Nhà trường tự đánh giá đạt mức độ 2 theo tiêu chuẩn qui định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

*Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Tiếp tục hoàn thiện để phấn đấu đạt KĐCL kết quả mức độ 3

b) Kết quả đánh giá ngoài:

Tháng 12/2023 nhà trường đón đoàn KĐCL của Sở GD&ĐT về kiểm tra và được đánh giá đạt KĐCL mức độ 2, được công nhận trường chuẩn quốc gia cấp độ 1

*Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

+Mục tiêu chung: Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2.

+Mục tiêu cụ thể: Hoàn thành xây dựng 06 phòng học bộ môn; Xây dựng nhà tập đa năng đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, văn hóa – văn nghệ; Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất được đầu tư; Chuẩn bị các điều kiện để tái kiểm định vào năm 2028 đạt mức độ 3.

+ Nhiệm vụ và giải pháp:

++ Xây dựng 06 phòng bộ môn đạt chuẩn: Tham mưu với UBND xã, Phòng Văn hóa – Xã hội xã, các ban ngành để bố trí quỹ đất và nguồn vốn xây dựng.

++ Tham mưu cấp trên xin ngân sách đầu tư; đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa từ phụ huynh, cựu học sinh, các tổ chức xã hội.

++Trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu của Bộ GD&ĐT.

++Phân công giáo viên quản lý, sử dụng phòng bộ môn hiệu quả.

++ Tham mưu cấp trên xin ngân sách đầu tư xây dựng nhà tập đa năng

++ Tham mưu cấp trên lập dự án đầu tư xây dựng nhà tập đa năng diện tích tối thiểu 400m², có sân khấu, hệ thống chiếu sáng, âm thanh.

++ Huy động ngân sách cấp trên và xã hội hóa giáo dục.

++ Sau khi hoàn thành, tổ chức đa dạng các hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật, văn hóa cộng đồng.

+ Công tác quản lý và khai thác cơ sở vật chất

++ Xây dựng quy chế quản lý, khai thác và bảo dưỡng các công trình, phòng bộ môn.

++ Tập huấn cho giáo viên về sử dụng thiết bị hiện đại.

++ Thực hiện đánh giá hiệu quả sử dụng định kỳ hằng năm.

+ Giám sát và kiểm tra tiến độ: Thành lập Ban chỉ đạo cải tiến chất lượng: Lập kế hoạch tiến độ chi tiết, kiểm tra hằng quý; Báo cáo định kỳ với UBND xã và Phòng Văn hóa – Xã hội huyện.

* Tiến độ thực hiện

+ Năm học 2025 - 2026: Hoàn thiện hồ sơ xin dự toán khởi công xây dựng 06 phòng bộ môn và nhà tập đa năng.

+ Năm học 2026 - 2027: Hoàn thành nhà tập đa năng

+ Năm học 2027 - 2028: Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Đưa vào sử dụng và tổ chức đánh giá nội bộ.

+ Năm học 2028 - 2029: Đăng ký đánh giá ngoài và phấn đấu đạt kiểm định mức độ 3.

* Nguồn lực thực hiện: Ngân sách Nhà nước: hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất trọng điểm. Nguồn khác: hỗ trợ từ các dự án, tổ chức xã hội, tài trợ.

*Kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm đạt mức độ 3 là nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2025 - 2028 của Trường THCS Phú Yên. Với sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp của các tổ chức xã hội và sự đồng thuận của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh, nhà trường quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, Kỳ I năm học 2025 - 2026 (Chưa có)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC^{6 6} Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, cuối năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	412	102	116	96	98
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	91.26	93.14	91.38	92.71	87.76
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7.04	4.9	7.76	7.29	8.16
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1.7	1.96	0.86		4.08
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	412	102	116	96	98
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	33.5	44.12	29.31	31.25	19.39
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35.68	39.22	36.21	31.25	32.65
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	26.21	13.73	31.9	37.5	25.51
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4.61	2.94	2.59		22.45
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	412	102	116	96	98
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	95.4	97.1	98.3	100	84

	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1.94	1.96	2.59	3.13	
	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	31.55	39.22	28.45	32.29	26.53
	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4.61	2.94	1.72		14.29
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	4	0	4	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	0	0	2
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia					
4	Quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					98
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					84
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					26.53
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					29.59
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					29.59

VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	219/193	60/42	60/56	47/49	52/46
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2	0	1	1	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Các khoản thu:

NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC CẤP VÀ CÁC KHOẢN THU SỰ NGHIỆP
Nguồn kinh phí: NSNN cấp:	
Kinh phí giao đầu năm	
Bổ sung nguồn CCTL	

*Các khoản thu bắt buộc và thỏa thuận từ CMHS năm học 2025 - 2026

- Các khoản thu bắt buộc:

+ **Bảo hiểm Y tế:** Thu hộ theo quy định của BHXH; Mức thu 631.800 đồng /12 tháng
Căn cứ pháp lý: CV số 4122/BGĐT-GDTC năm 2017 về việc hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024 – 2025

+ Thời gian thu: Tháng 10/2025.

Trường hợp học sinh là con hộ nghèo, con bộ đội, công an,... đã được cấp thẻ BHYT, phải nộp bản photo thẻ BHYT để nhà trường tổng hợp báo cáo BHXH thành phố.

- **Khoản thu theo thỏa thuận:** (Đã được thông qua, nhất trí trong Hội nghị Ban đại diện CMHS nhà trường ngày 23/8/2025 và Hội nghị CMHS các lớp ngày 24/8/2025)

+ **Nước uống:** 12.000 đồng /1 học sinh /1 tháng. Một năm thu 9 tháng.

+ **Học hai buổi/ ngày :** (HS tự nguyện đăng ký, không bắt buộc),

++ Giáo dục kỹ năng sống; Giáo dục STEM; Bổ trợ tiếng Anh

++*Thời lượng tổ chức dạy Liên kết trong Nhà trường:*

Tên Trung tâm Liên kết	Số tiết dạy/ 1 tuần	Số tiết dạy/ 1 tháng	Ghi chú
Bổ trợ ngoại ngữ Freetalk English	2 tiết	8 tiết	2/ 8 tiết do giáo viên bản địa dạy; 6 tiết GV người Việt dạy
Giáo dục Stem GAIA	1 tiết	4 tiết	Trung tâm tuyển GV

KNS Thảo Quyên	1 tiết	4 tiết	Trung tâm tuyển GV
----------------	--------	--------	--------------------

+++ Trung tâm thu mức phí:

Tên Trung tâm Liên kết	Số tiết dạy/ 1 tuần	Số tiền CMHS thu / 1 tháng	Ghi chú
Bổ trợ ngoại ngữ Freetalk English	2 tiết	160.000đ	
Giáo dục Stem GAIA	1 tiết	85.000đ	
KNS Thảo Quyên	1 tiết	60.000đ	

2.. Các khoản chi:

a. Chi từ NSNN cấp: từ T1/2025 đến T9/2025

NỘI DUNG CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Tiền lương theo ngạch bậc	2.094.878.784	
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	303.980.400	
Phụ cấp lương	959.685.100	
Các khoản đóng góp	638.685.100	
Thanh toán dịch vụ công cộng	39.996.507	
Vật tư văn phòng phẩm	9.000.000	
Thông tin tuyên truyền, liên lạc	4.506.864	
Công tác phí	14.400.000	
Chi phí thuê mướn	32.000.000	4.000.000
.Mua sắm tài sản vô hình	429.000	
.Mua , bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	2.484.000	10.000.000
.Chi khác (phí, lệ phí, cấp bù học phí, các khoản khác)	22.131.600	750.000
.Chi lập các quỹ (quỹ phúc lợi, quỹ tăng thu nhập, quỹ khen thưởng)	105.940.000	
.Tiền thưởng theo NĐ73	35.154.000	

b. Chi từ nguồn thu được để lại:

NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
Các nguồn thu:	
<i>Học phí:</i>	
- Năm 2024 mang sang	44.933.600

- Thu học phí học kì II năm học 2024-2025 (bao gồm cấp bù học phí cho học sinh chế độ chính sách)	154.500.000
<i>Học thêm:</i>	
- Năm 2024 mang sang	22.466.762
Chi từ nguồn thu được để lại:	
<i>Học phí:</i>	
- Chi 40% lương	61.800.000
- Chi chuyên môn và cơ sở vật chất	115.590.100
<i>Học thêm:</i>	
- Chi chuyên môn và cơ sở vật chất	22.466.762

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

*Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 của nhà trường năm học 2025 - 2026:

+Đối tượng, chỉ tiêu: Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học có hộ khẩu thường trú tại xã Phú Yên cũ, hoặc có tạm trú tại xã Phú Yên cũ ; Tuổi học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2014); Chỉ tiêu 120 em

+Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh trực tuyến: Bắt đầu tuyển sinh từ ngày 07/7/2025 đến hết ngày 09/7/2025; Tuyển sinh trực tiếp: Từ ngày 13/7/2025 đến hết ngày 18/7/2025.

+ Kết quả tuyển sinh: Năm học 2025 - 2026, nhà trường tuyển được 118 em học sinh lớp 6

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

+ Kế hoạch giáo dục năm học 2025 -2026:

++ Số lớp và số học sinh

Khối Lớp	Số lớp, số học sinh					Học sinh khuyết tật
	Số học sinh					
	Số lớp	Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Nữ dân tộc thiểu số	
6	03	122	51	2	2	0
7	03	102	42	1	1	0
8	03	115	57	0	0	0
9	03	95	49	1	1	0
Tổng	12	434	199	04	04	0

++ Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tiêu chí Chức danh	Tổng số		Đảng viên	Đoàn viên	Trình độ chuyên môn				Trung cấp chính trị
	Nam	Nữ			Th.S	ĐH	CD	TC	
CBQL	0	02	02	0	01	1	0	0	02
Giáo viên	03	20	15	17	03	20	0	0	0
Nhân viên	01	07	02	05	0	04	02	02	0
Tổng số	04	29	19	22	04	25	02	02	02

++ **Định hướng thực hiện chương trình dạy học:**

- Thực hiện dạy 2 buổi/ngày, tổng 11 buổi/1 tuần

*Buổi 1:

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

- Thực hiện theo Công văn số 3559/SGDDĐT-GDTrH ngày 08/9/2025 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cấp THCS năm học 2025 - 2026.

* Buổi 2: Tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của Chương trình GDPT; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức ôn tập để học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM; giáo dục văn hóa đọc, giáo dục đạo đức, văn hóa học đường, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

+ Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: học theo nhóm học sinh cùng trình độ, năng lực hoặc theo câu lạc bộ sở thích; hướng dẫn học sinh tự học, kết hợp giữa học tập trong lớp học và các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, thư viện, khu vui chơi,...

***Các chỉ tiêu phấn đấu trong năm học 2025 – 2026**

++ **Chỉ tiêu Đối với học sinh lớp 6, 7,8,9 kết quả cần đạt được:**

- Về rèn luyện:

Sĩ số	Tốt		Khá		Đạt		CD	
434	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	400	92,1	34	7,9	0	0	0	0

- Về học tập:

Chỉ tiêu đánh giá kết quả kết quả học tập của học sinh khối 6,7,8,9

Sĩ số	Tốt		Khá		Đạt		CD	
434	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	146	33,6	184	42,4	96	22,14	8	1,86

++. **Giáo viên:**

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ 2024 - 2025	CHỈ TIÊU PHẦN ĐẦU 2025 - 2026
1	Lao động tiên tiến	19	20
2	Giáo viên Giỏi cấp trường	7	08
3	Giáo viên Giỏi cấp xã, huyện (cũ)	03	05
4	Chiến sĩ thi đua cơ sở	05	05
5	Chiến sĩ thi đua Thành phố	0	0
6	Cuộc thi do Sở GDĐT tổ chức	03	03

++ **Đơn vị:**

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ 2024 - 2025	CHỈ TIÊU 2025 - 2026
1	Tập thể Lao động xuất sắc	x	x
2	Cờ Thi đua Thành phố	0	x
3	Tập thể LĐTT	x	x
4	Đơn vị văn hóa	x	x
5	Xây dựng trường học hạnh phúc	x	x
6	Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực	x	x

++ **Các tổ chức, đoàn thể:**

STT	Tên đoàn thể	KẾT QUẢ 2024 - 2025	CHỈ TIÊU 2025 - 2026
1	Chi bộ	Hoàn thành XS	Hoàn thành XS
2	Chi đoàn	Chi đoàn vững mạnh	Chi đoàn vững mạnh
3	Liên đội	Bằng khen Thành đoàn TP	Bằng khen của Trung ương đoàn

- + Khối 9 đỗ tốt nghiệp THCS đạt 100%;
- + Về kết quả thi vào lớp 10 THPT: Xếp thứ 1-2 toàn xã;
- + Phần đầu hoàn thành công tác PC THCS với tỷ lệ về huy động đạt 99%;
- + Chỉ tiêu phần đầu đối với công tác PC cấp trung học về tỷ lệ huy động đạt 85%;
- + Chỉ tiêu rèn luyện của học sinh khối 6,7,8,9: Tốt: 90,1%; Khá: 9,9%; Đạt: 0%; Chưa đạt: 0%;
- + Chỉ tiêu học tập của học sinh khối 6,7,8,9: Tốt: 39%; Khá: 36,45%; Đạt: 22,6%; Chưa đạt: 1,95%;
- + Chỉ tiêu bồi dưỡng học sinh giỏi:

TT	HSG các cấp	Tổng số HS đạt giải				Tổng
		Nhất	Nhì	Ba	KK	
1	Quốc gia		1		0	1
2	Thành phố	1	2	2	2	07
3	Xã	11	10	10	160	191
Tổng		12	13	12	162	199

- + Chỉ tiêu học sinh giỏi các cấp văn nghệ, TDTT; STTTN; KHKT: Cấp xã: 50 em; Cấp TP: 3 em
- + Chỉ tiêu học sinh giỏi cuộc thi Toán quốc tế FMO: Giải quốc gia 20 giải
- + Chỉ tiêu giáo viên giỏi: Phần đầu đạt 01 giải TP; 03 giải xã (1 Nhất, 2 Nhì)

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; Nhà trường xây dựng Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để cùng chung tay giáo dục các em

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục: Tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của Chương trình GDPT; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức ôn tập để học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM; giáo dục văn hóa đọc, giáo dục đạo đức, văn hóa học đường, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

+ Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: học theo nhóm học sinh cùng trình độ, năng lực hoặc theo câu lạc bộ sở thích; hướng dẫn học sinh tự học, kết hợp giữa học tập trong lớp học và các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, thư viện, khu vui chơi,...

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học

sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

+ Năm học 2024 -2025 Toàn trường có 412 học sinh, tỷ lệ học sinh được lên lớp thẳng, HS tốt nghiệp THCS, HS kiểm tra lại: $408\text{em} / 412\text{ em} = 99,03\%$; ở lại lớp 4 em/ $412\text{ em} = 0,97\%$

c) Công tác xét tốt nghiệp và tuyển sinh năm học 2024 - 2025

+ Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2024 - 2025 đạt $98/98\text{ em} = 100\%$

+ Số lượng học sinh trúng tuyển vào các trường THPT công lập: 75/77

+ Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 23/98

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)